

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁP MƯỜI
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2025/DS-ST
Ngày: 03-01-2025
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI, TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Quốc Thái.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Văn Vững.
- Bà Nguyễn Thị Thanh Trang.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thống Nhất - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 03 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 770/2024/TLST-DS ngày 11 tháng 10 năm 2024, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 541/2024/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 11 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 379/2024/QĐST-DS, ngày ngày 16 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Trần Văn T**, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Ấp M, xã P huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Anh **Đoàn Văn T1**, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Ấp M, xã P huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

(Ông T, anh T1 có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Nguyên đơn ông Trần Văn T trình bày và yêu cầu:*

Do chỗ quen biết nên ông T có cho anh Đoàn Văn T1 vay tiền nhiều lần, cụ thể:

- Ngày 24/12/2023 (Dương lịch), anh T1 vay số tiền là: 118.000.000 đồng (Một trăm mười tám triệu đồng), có làm biên nhận, lãi suất thỏa thuận là 03%/ tháng.

- Ngày 24/05/2024 (Dương lịch), anh T1 vay thêm số tiền là: 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng), có làm biên nhận, lãi suất thỏa thuận là 03%/ tháng.

Tổng cộng anh T1 vay của ông T số tiền vốn là: 148.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi tám triệu đồng).

Từ ngày vay thêm tiền ngày 24/05/2024 đến nay anh T1 không đóng lãi cũng như trả tiền vốn cho ông T. Ông T đã nhiều lần yêu cầu nhưng anh T1 không thực hiện trả nợ.

Ông T yêu cầu tính lãi từ ngày 24/05/2024 đến ngày 24/08/2024 là 3 tháng với lãi suất 1,66 %/tháng là: 2.456.000 đồng x 3 tháng = 7.368.000 đồng (Bảy triệu ba trăm sáu mươi tám ngàn đồng).

Tổng cộng tiền vốn và lãi là: 155.368.000 đồng (Một trăm năm mươi lăm triệu ba trăm sáu mươi tám ngàn đồng).

Nay ông Trần Văn T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười giải quyết buộc anh Đoàn Văn T1 trả cho ông T số tiền vốn là: 148.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi tám triệu đồng), tiền lãi là: 7.368.000 đồng (Bảy triệu ba trăm sáu mươi tám ngàn đồng). Tổng cộng vốn và lãi là: 155.368.000 đồng (Một trăm năm mươi lăm triệu ba trăm sáu mươi tám ngàn đồng).

Tại phiên tòa, ông T vẫn giữ nguyên yêu cầu đối với số tiền vốn, yêu cầu anh T1 trả cho ông T số tiền vốn vay tổng cộng là 148.000.000 đồng. Ông T xin rút lại yêu cầu tính lãi đối với số tiền 7.368.000 đồng. Đối với lời trình bày của anh T1 thì ông T không đồng ý.

** Bị đơn anh Đoàn Văn T1 trình bày ý kiến:*

Năm 2023, không nhớ thời gian chính xác, anh T1 có vay tiền của ông T với số tiền 52.000.000 đồng, thỏa thuận lãi là 4.000 đồng/triệu/ngày, mục đích để đáo hạn ngân hàng. Sau khi đáo hạn thì ngân hàng cho vay lại nhưng không đủ để trả ông T. Sau đó, ông T cộng vốn và lãi là 62.000.000 đồng ép buộc anh T1 viết biên nhận với số tiền 62.000.000 đồng ngày 13/8/2023, biên nhận này do anh T1 viết và ký tên, ghi họ tên.

Sau đó anh T1 có trả cho ông T 03 lần tổng cộng 20.000.000 đồng, không có làm biên nhận gì, không có ai chứng kiến.

Anh T1 đồng ý trả cho ông T tiền vốn là 62.000.000 đồng và đồng ý trả thêm số tiền lãi 20.000.000 đồng.

Đối với biên nhận ngày 24/12/2023 và ngày 24/5/2024 mà ông T cung cấp là do ông T ép buộc anh T1 viết và ký tên, ghi họ tên. Số tiền 30.000.000 đồng ngày 24/5/2024 là tiền lãi.

Tại phiên tòa, anh T1 trình bày do bận đi làm nên không tham dự các phiên họp và phiên tòa lần đầu của Tòa án được, anh T1 cho rằng chỉ nợ ông T số tiền vốn là 52.000.000 đồng, sau đó ông T cộng dồn lãi và yêu cầu anh T1 viết biên nhận ngày 24/12/2023 với số tiền 118.000.000 đồng, sau đó đến ngày 24/5/2024 ông T cộng lãi yêu cầu anh T1 viết biên nhận với số tiền 30.000.000 đồng. Anh T1 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông T. Anh T1 thừa nhận biên nhận ngày 24/12/2023 và biên nhận ngày 24/5/2024 là do anh T1 viết nội dung, ký tên và viết họ tên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ông T khởi kiện yêu cầu anh T1 trả số tiền vốn vay và lãi còn nợ, anh T1 có địa chỉ cư trú tại ấp M, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp nên căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười.

[2] Về nội dung vụ án:

Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T về việc yêu cầu anh Đoàn Văn T1 trả số tiền vốn vay tổng cộng 148.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận vì:

[2.1] Đối với Biên nhận ngày 24/12/2023 và Biên nhận ngày 24/5/2024:

Xét thấy, nội dung biên nhận ngày 24/12/2023 thể hiện anh T1 có vay của ông T số tiền là 118.000.000 đồng, biên nhận không thể hiện lãi suất và thời hạn vay. Biên nhận ngày 24/5/2024 thể hiện nội dung anh T1 có nhận của ông T số tiền 30.000.000 đồng, không thể hiện thời hạn vay, không thể hiện lãi suất. Từ đó xác định đối với biên nhận ngày 24/12/2023 là hợp đồng vay không kỳ hạn, không lãi suất, biên nhận ngày 24/5/2024 là hợp đồng vay không kỳ hạn, có lãi suất không xác định.

Đối với Biên nhận ngày 24/5/2024, anh T1 cho rằng số tiền 30.000.000 đồng là tiền lãi của số tiền 118.000.000 đồng nhưng không có tài liệu, chứng cứ

chứng minh. Mặt khác, nội dung biên nhận thể hiện anh T1 có nhận của ông T số tiền 30.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy lời trình bày của anh T1 là không có cơ sở chấp nhận.

Ngoài ra, theo văn bản trình bày ý kiến, anh T1 cho rằng chỉ có vay của ông T số tiền 52.000.000 đồng, sau đó do không trả được tiền cho ông T nên ông T buộc anh viết biên nhận với số tiền vốn vay 62.000.000 đồng. Anh T1 đồng ý trả cho ông T số tiền 62.000.000 đồng và tiền lãi là 20.000.000 đồng. Ngoài ra, anh T1 cho rằng có đóng lãi cho ông T 03 lần tổng cộng 20.000.000 đồng nhưng không có làm biên nhận, không có ai chứng kiến. Tại phiên tòa, anh T1 cung cấp tờ giấy viết tay và cho rằng là các khoản kê tính lãi, tuy nhiên tờ giấy viết tay không có chữ ký của ông T. Mặt khác, anh T1 không giải trình được việc tính lãi vì từ số tiền vốn 52.000.000 đồng thành số tiền 118.000.000 đồng, đối với khoản tiền 34.000.000 đồng trong tờ giấy viết tay thì anh T1 cũng không giải trình được cách tính như thế nào. Theo lời trình bày của anh T1 thì anh đã đóng lãi cho ông T được 20.000.000 đồng, anh cho rằng số tiền 10.000.000 đồng trong tờ giấy viết tay là tiền lãi mà anh đã đóng là chưa phù hợp với lời trình bày trước đó.

Bên cạnh đó, anh T1 cũng thừa nhận chữ viết, chữ ký và chữ viết họ tên trong biên nhận ngày 24/12/2023 và biên nhận ngày 24/5/2024 là do anh T1 viết nội dung, ký tên và viết họ tên, nhưng anh T1 cho rằng do ông T ép buộc ông viết biên nhận và ký tên nhưng anh T1 không có chứng cứ chứng minh và ông T không thừa nhận toàn bộ lời trình bày của anh T1.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của ông T về việc yêu cầu anh T1 trả số tiền vốn vay của hai biên nhận ngày 24/12/2023 và ngày 24/5/2024 với tổng số tiền là 148.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Đối với yêu cầu tính lãi:

Theo đơn khởi kiện ông T yêu cầu tính lãi đối với hai biên nhận tính từ ngày 24/05/2024 đến ngày 24/08/2024 là 3 tháng với lãi suất 1,66 %/tháng là: 2.456.000 đồng x 3 tháng = 7.368.000 đồng.

Tại phiên tòa, ông T xin rút yêu cầu tính lãi đối với số tiền 7.368.000 đồng (Bảy triệu ba trăm sáu mươi tám nghìn đồng).

Hội đồng xét xử xét thấy ông T rút một phần yêu cầu đối với yêu cầu tính lãi là hoàn toàn tự nguyện nên chấp nhận.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Anh Đoàn Văn T1 phải chịu 7.400.000 đồng (Bảy triệu bốn trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Trần Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.884.000 đồng (Ba triệu tám trăm tám mươi bốn nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011270 ngày 11/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 96, Điều 147, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T đối với yêu cầu tính lãi số tiền 7.368.000 đồng (Bảy triệu ba trăm sáu mươi tám nghìn đồng).

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T.

Buộc anh Đoàn Văn T1 có trách nhiệm trả cho ông T số tiền vốn vay là 148.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi tám triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, tương ứng với thời gian chưa thi hành án đến khi thi hành xong.

3. Về án phí:

Anh Đoàn Văn T1 phải chịu 7.400.000 đồng (Bảy triệu bốn trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Trần Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.884.000 đồng (Ba triệu tám trăm tám mươi bốn nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011270 ngày 11/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười.

4. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật THYPERLINK "20" \o "Thi"hi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND Tỉnh DT;
- VKSND huyện Tháp Mười;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, (Th).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Quốc Thái